



MỘT SỐ QUY ĐỊNH VỀ PHÒNG, CHỐNG MUA BÁN NGƯỜI

*(Căn cứ Luật Phòng, chống
mua bán người năm 2024)*



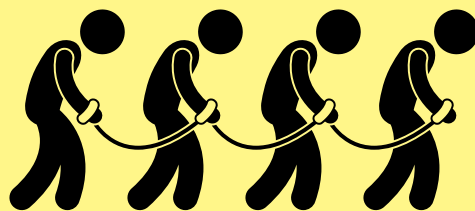
Sở Tư pháp tỉnh An Giang

1. Định nghĩa mua bán người

Khoản 1 Điều 2 Luật Phòng, chống mua bán người quy định:

Mua bán người là hành vi tuyển mộ, vận chuyển, chứa chấp, chuyển giao hoặc tiếp nhận người nhằm mục đích nhận tiền, tài sản, lợi ích vật chất khác, bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động, lấy bộ phận cơ thể người hoặc nhằm mục đích vô nhân đạo khác bằng cách dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực, lừa gạt hoặc thủ đoạn khác.

Hành vi tuyển mộ, vận chuyển, chứa chấp, chuyển giao hoặc tiếp nhận người dưới 18 tuổi nhằm mục đích nhận tiền, tài sản, lợi ích vật chất khác trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động, lấy bộ phận cơ thể người hoặc nhằm mục đích vô nhân đạo khác cũng được coi là mua bán người ngay cả khi không dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực, lừa gạt hoặc thủ đoạn khác.



2. Quyền của nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân

Khoản 1 Điều 6 Luật Phòng, chống mua bán người quy định quyền của nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân như sau:

1. Đề nghị cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền áp dụng các biện pháp bảo vệ mình, người thân thích của mình theo quy định của Luật này khi bị xâm hại, bị đe dọa xâm hại hoặc có nguy cơ bị xâm hại về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp khác có liên quan đến phòng, chống mua bán người.

2. Được thông tin về quyền, lợi ích hợp pháp của mình và các biện pháp phòng ngừa mua bán người.

3. Được hưởng chế độ hỗ trợ theo quy định của Luật này hoặc từ chối nhận hỗ trợ.

4. Được bảo vệ bí mật thông tin, dữ liệu về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình, nơi cư trú, nơi làm việc và thông tin khác theo quy định của pháp luật.

5. Được cơ quan, người có thẩm quyền cấp giấy tờ, tài liệu xác nhận nạn nhân.

6. Được bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

7. Được từ chối áp dụng biện pháp bảo vệ.

8. Quyền khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Nghĩa vụ của nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân

Khoản 2 Điều 6 Luật Phòng, chống mua bán người quy định nghĩa vụ của nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân như sau:

1. Chấp hành đầy đủ yêu cầu của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền trong quá trình áp dụng các biện pháp bảo vệ, hỗ trợ.
2. Cung cấp thông tin liên quan đến hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống mua bán người cho cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền.
3. Thực hiện yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền trong phát hiện, điều tra, xử lý vụ việc mua bán người.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan.



4. Đối tượng và chế độ hỗ trợ trong phòng, chống mua bán người

Điều 37 Luật Phòng, chống mua bán người quy định đối tượng và chế độ hỗ trợ trong phòng, chống mua bán người như sau:

1. Nạn nhân là công dân Việt Nam, người không quốc tịch thường trú ở Việt Nam được hưởng chế độ hỗ trợ sau đây:

- a) Hỗ trợ nhu cầu thiết yếu.
- b) Hỗ trợ y tế.
- c) Hỗ trợ phiên dịch.
- d) Hỗ trợ pháp luật.
- đ) Trợ giúp pháp lý.
- e) Hỗ trợ chi phí đi lại.
- g) Hỗ trợ tâm lý.
- h) Hỗ trợ học văn hóa.
- i) Hỗ trợ học nghề, tư vấn, tạo điều kiện để có việc làm.
- k) Trợ cấp khó khăn ban đầu, hỗ trợ vay vốn.

2. Người dưới 18 tuổi đi cùng nạn nhân là công dân Việt Nam, người không quốc tịch thường trú ở Việt Nam được hưởng chế độ hỗ trợ quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm h khoản 1 Điều này.

3. Người đang trong quá trình xác định là nạn nhân là công dân Việt Nam và người dưới 18 tuổi đi cùng đang ở nước ngoài được hưởng chế độ hỗ trợ quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm d khoản 1 Điều này.

Người đang trong quá trình xác định là nạn nhân là công dân Việt Nam, người không quốc tịch thường trú ở Việt Nam và người dưới 18 tuổi đi cùng ở trong nước được hưởng chế độ hỗ trợ quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm g khoản 1 Điều này.

4. Nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân là người nước ngoài bị mua bán tại Việt Nam thì tùy từng trường hợp được hưởng chế độ hỗ trợ quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và g khoản 1 Điều này.

